

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 2140/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 18 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước tại huyện Lộc Ninh và huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước tại huyện Lộc Ninh và huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư họp ngày 03/8/2022 tại Hội trường Sở Tài nguyên và Môi trường và Công văn số 1621/STNMT-CCBVMT ngày 03/8/2022 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 609/TTr-STNMT ngày 11/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm chủ đầu tư tại huyện Lộc Ninh và huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định này và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch UBND thị trấn Lộc Ninh, Chủ tịch UBND xã Lộc Khánh, Chủ tịch UBND xã An Khương, Người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-45-QĐPD-16/11) 5F

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CỤM HỒ TỈNH BÌNH PHƯỚC TẠI HUYỆN LỘC NINH
VÀ HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 2140.../QĐ-UBND ngày 18.../11.../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Cụm hồ tỉnh Bình Phước.

- Chủ Dự án đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện: Ông Đinh Tiến Hải; chức danh: Giám đốc.

Địa điểm thực hiện Dự án: Huyện Lộc Ninh và huyện Hớn Quản.

1.2. Phạm vi, quy mô: Xây dựng 02 công trình hồ chứa:

- Công trình hồ Tà Mai: Có vị trí xây dựng thuộc xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh và xã An Khương, huyện Hớn Quản; dung tích chứa (toàn bộ): 1,3 triệu m³ (bao gồm các hạng mục: đập chính là đập đất đồng chất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh và các công trình phụ trợ).

- Công trình hồ thị trấn Lộc Ninh: Có vị trí xây dựng thuộc thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh; dung tích hồ chứa (toàn bộ): 0,4 triệu m³ (bao gồm các hạng mục: đập chính là đập đất đồng chất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ).

1.3. Công nghệ của Dự án: Tạo nguồn cung cấp nước tưới cho khoảng 190 ha đất sản xuất nông nghiệp, phục vụ tưới cho cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: Hồ tiêu, cà phê, điều, cây ăn trái... tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc, ổn định cuộc sống cho nhân dân vùng ven biên giới; cụ thể:

- Công trình hồ Tà Mai: Cấp nước tưới cho 120 ha đất nông nghiệp (trong đó có 25 ha đất lúa, 82 ha cây công nghiệp, 13 ha cây ăn trái) và cấp nước sinh hoạt với công suất 480 m³/ngày đêm cho khoảng 4.000 người.

- Công trình hồ thị trấn Lộc Ninh: Cấp nước tưới cho 70 ha đất nông nghiệp (cây ăn trái) và cấp nước sinh hoạt với công suất 720 m³/ngày đêm cho khoảng 6.000 người.

1.4. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Hồ chứa, đập dâng, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh tưới, đường thi công kết hợp quản lý, nhà quản lý và trạm cấp nước sinh hoạt.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác

động xấu đến môi trường:

- *Trong giai đoạn thi công, xây dựng:* Bụi phát sinh do đào đắp các hạng mục công trình; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị; bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xì kim loại; khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng nước thải xây dựng phát sinh tại công trường hồ Tà Mai và hồ Lộc Ninh bao gồm: Nước thải từ quá trình vệ sinh phương tiện vận chuyển lưu lượng khoảng 0,5 - 0,75 m³/ngày/công trường và nước thải từ quá trình bơm bùn hố móng, rửa vật liệu phục vụ công tác bê tông với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày/công trường; thành phần chủ yếu là cặn bẩn và các chất rắn lơ lửng...

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh tại hồ Tà Mai khoảng 08 m³/ngày và tại hồ thị trấn Lộc Ninh khoảng 04 m³/ngày; chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng coliform.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh tại hồ Tà Mai khoảng 0,32 m³/ngày và tại hồ thị trấn Lộc Ninh khoảng 0,24 m³/ngày; chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng coliform.

3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- *Bụi phát sinh do đào đắp các hạng mục công trình:* Tại hồ Tà Mai: nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,184 mg/m³ – 0,95 mg/m³; tại hồ thị trấn Lộc Ninh: nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,152 mg/m³ – 0,65 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO₂, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xì kim loại:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x...

- *Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, THC.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Không phát sinh.

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:*

+ Tại hồ Tà Mai: Khối lượng đất thải (đất đào, đất bóc hữu cơ bề mặt) khoảng 103.600 tấn; khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 150 kg/tháng, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu, vữa bê tông...

+ Tại hồ thị trấn Lộc Ninh: Khối lượng đất thải (đất đào, đất bóc hữu cơ bề mặt) khoảng 68.850 tấn; khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 80 kg/tháng, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh tại hồ Tà Mai khoảng 80 kg/ngày và tại hồ thị trấn Lộc Ninh khoảng 50 kg/ngày; chủ yếu là rác thực phẩm, vỏ bao bì, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 310 kg/năm tại mỗi công trường, bao gồm các loại chất thải như cặn dầu, nhớt thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn, cặn sơn, thùng đựng nhớt thải, que hàn...

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thu dọn lòng hồ:* Sau khi hồ tích nước từ 03 - 06 tháng, rễ cây, cỏ dại, các sinh vật sống trong đất bị chết và thối rữa cùng với toàn bộ diện tích đất ngập nước bị nhão hoá do kết cấu của đất bị phá vỡ, mất sức liên kết... dẫn đến sự hình thành trầm tích bùn đáy hồ, khối lượng bùn đáy phát sinh tại hồ Tà Mai khoảng 471 m³/năm và tại hồ Lộc Ninh 198 m³/năm.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh tại hồ Tà Mai khoảng 3,2 kg/ngày và tại hồ thị trấn Lộc Ninh khoảng 2,4 kg/ngày; chủ yếu là rác thực phẩm, vỏ bao bì, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 60 kg/năm tại mỗi công trường, bao gồm các loại chất thải như vụn sơn, gỉ sắt được bóc tách từ bề mặt phương tiện có các thành phần nguy hại; dung môi thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên.

3.4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- *Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Tiếng ồn, rung gây ra do phương tiện vận tải từ việc chuyên chở bốc dỡ vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ thi công trên công trường xây dựng như máy xúc, máy ủi, máy trộn bê tông, máy khoan, máy nén khí...

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Không phát sinh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng:* Nước thải từ quá trình thi công xây dựng (nước thải từ quá trình vệ sinh phương tiện vận chuyển và nước thải từ bơm bùn hồ móng, rửa vật liệu phục vụ công tác bê tông) được thu gom vào hố lắng (bằng đất, lót bạt HDPE) có thể tích 03 m³/công trường; Chủ Dự án xây dựng 01 hố lắng tại công trường hồ Tà Mai và 01 hố lắng tại công trường hồ thị trấn Lộc Ninh. Bụi, đất, cát có trong nước thải được lắng xuống và phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm thiểu bụi trong giai đoạn thi công, xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Chủ Dự án tiến hành xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn tại nhà quản lý vận hành tại hồ Tà Mai và 01 bể tự hoại 03 ngăn tại nhà quản lý vận hành tại hồ thị trấn Lộc Ninh để sử dụng chung cho giai đoạn thi công, xây dựng và giai đoạn vận hành. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại 02 khu vực (nhà quản lý vận hành tại hồ Tà Mai và nhà quản lý vận hành tại hồ thị trấn Lộc Ninh) tương tự nhau như sau: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Bể lọc cát → Bể lọc trồng cây → Bể khử trùng → Thoát ra suối nhỏ.

Kích thước các hạng mục công trình như sau:

TT	Hạng mục	Hồ Tà Mai	Hồ Lộc Ninh
1	Bể tự hoại 03 ngăn	Bê tông cốt thép, thể tích 08 m ³	Bê tông cốt thép, thể tích 04 m ³
2	Bể lọc cát	Gạch xây, chống thấm; bê tông cốt thép, thể tích 16 m ³	Gạch xây, chống thấm hoặc bê tông cốt thép, thể tích 08 m ³
3	Bể lọc trồng cây	Gạch xây, chống thấm hoặc bê tông cốt thép, thể tích 16 m ³	Gạch xây, chống thấm hoặc bê tông cốt thép, thể tích 08 m ³
4	Bể khử trùng	Gạch xây, chống thấm hoặc bê tông cốt thép, thể tích 08 m ³	Gạch xây, chống thấm hoặc bê tông cốt thép, thể tích 04 m ³

Nước thải sinh hoạt đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và được dẫn theo đường ống thoát ra suối nhỏ tại khu vực Dự án (k = 1,2).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1,2) trước khi thải vào suối nhỏ tại khu vực hồ Tà Mai và suối nhỏ tại khu vực hồ thị trấn Lộc Ninh. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm thiểu bụi trong giai đoạn thi công, xây dựng.

4.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Chủ Dự án sử dụng 02 bể tự hoại và các công trình xử lý: bể lọc cát, bể lọc trồng cây và bể khử trùng đã xây dựng tại nhà quản lý vận hành tại hồ Tà Mai và nhà quản lý vận hành tại hồ thị trấn Lộc Ninh. Nước thải xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,2$) trước khi thải ra suối nhỏ xung quanh khu vực Dự án.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,2$) trước khi thải vào suối nhỏ tại khu vực hồ Tà Mai và suối nhỏ tại khu vực hồ thị trấn Lộc Ninh.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

4.2.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ quá trình đào đắp các hạng mục công trình*: Các hạng mục gần khu dân cư được che chắn bằng tôn hoặc bạt cao, tưới nước giảm bụi ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi, thi công theo phương pháp cuốn chiếu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công*: Che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi, sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, các phương tiện phải giảm tốc độ khi ra vào Dự án và tắt máy khi bốc dỡ...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động hàn, cắt, xì kim loại*: Bố trí khu vực hàn, xì ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng*: Máy phát điện sử dụng trong trường hợp mất điện, không bố trí máy phát điện gần nơi dân cư, lán trại công nhân; máy phát điện có bộ phận thanh lọc khí thải kèm theo; thường xuyên bảo dưỡng máy phát điện; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại:

4.3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Toàn bộ lượng đất thải được tận dụng tại công tác đắp chân mái đập hạ lưu, đường thi công nội bộ công trường, lu lèn san nền khu vực mặt bằng thi công, không vận chuyển đất thải ra ngoài công trường. Sau khi kết thúc đổ thải, khu vực bãi thải (khoảng 01 ha) được lu đầm chặt, trồng cỏ để phục hồi môi trường và tạo cảnh quan dưới hạ lưu đập.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị thùng chứa rác HDPE với thể tích 250 lít có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Thu gom, phân loại vào thùng chứa, có nắp đậy sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích 03 m² bằng tôn, có mái che tại mỗi công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Chủ Dự án bố trí 01 kho chất thải nguy hại tạm thời tại hồ Tà Mai và 01 kho chất thải nguy hại tạm thời tại hồ thị trấn Lộc Ninh.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn phát sinh từ quá trình thu dọn lòng hồ*: Khi nạo vét lòng hồ phải có kế hoạch, lựa chọn đơn vị có chức năng, đảm bảo thi công nạo vét và xử lý bùn đáy đúng theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Thu gom và hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý chất thải nguy hại ngay khi bảo dưỡng sửa chữa, không lưu chứa chất thải nguy hại tại Dự án.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông,...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- Việc khai thác, quản lý vận hành công trình phải tuân thủ Luật Thủy lợi, các Nghị định, Thông tư quy định hướng dẫn Luật Thủy lợi và các quy định có liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ quan quản lý vận hành công trình hồ chứa Tà Mai và hồ chứa thị trấn Lộc Ninh phải theo dõi dự báo khí tượng - thủy văn hàng năm để lập kế hoạch điều phối hồ chứa, đảm bảo công trình an toàn trong mùa mưa lũ và tích nước hồ theo đúng công trình thiết kế và vận hành tiết kiệm, sử dụng công trình có hiệu quả nhất; tổ chức tốt công tác quan trắc, ghi chép, lưu trữ các số liệu về khí tượng - thủy văn, về chuyên vị và thềm, các hiện tượng tự nhiên khác có liên quan... Khi có hiện tượng bất thường xảy ra cần báo cáo kịp thời lên cấp trên và cơ quan liên quan.

- Cơ quan quản lý vận hành công trình hồ chứa Tà Mai và hồ chứa thị trấn Lộc Ninh cần tổ chức giám sát chất lượng công trình hàng năm theo định kỳ. Phối hợp với Phòng Nông nghiệp huyện Lộc Ninh trong công tác tuyên truyền trên hệ thống phát thanh xã về ý thức bảo vệ công trình thủy lợi, quá trình sản xuất có ý thức thu gom rác (là bao bì chứa phân bón, thuốc diệt cỏ), không xả bừa bãi xuống lòng hồ, ảnh hưởng đến chất lượng công trình và chất lượng nguồn nước.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố vỡ đập:

Đối với hồ chứa: Ôn định thảm thực vật trên toàn lưu vực; xác định phạm vi bảo vệ công trình, cụ thể là đường viền ngập nước vĩnh viễn, bán ngập và thông báo cho các đơn vị sinh hoạt, sản xuất quanh hồ; theo dõi, phát hiện và đo đạc sự thay đổi bờ hồ; phân tích nguyên nhân sạt lở để tìm biện pháp bảo vệ; tiến hành vệ sinh lòng hồ với tần suất 05 năm/lần...

Đối với đập chính: Kiểm tra phát quang hàng năm trên mặt đập, mái thượng lưu, hạ lưu, khơi thông các mương rãnh thoát nước; trong phạm vi cách chân đập hạ lưu 500 m không được trồng cây, canh tác trồng cây lâu năm, xây dựng công trình nhà ở và khai thác dịch vụ khác ngoại trừ nhà quản lý công trình....

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn xả lũ: Khi mực nước hồ xuống dưới ngưỡng tràn cần thực hiện ngay công tác bảo dưỡng, vận hành thử mở cửa van tràn theo các quy định; hàng năm vào đầu mùa mưa lũ phải theo dõi dự báo để lập kế hoạch phòng chống bão lụt và vận hành tràn xả lũ trong mùa mưa lũ; phải đảm bảo tích đủ nước ở cao trình mực nước dâng bình thường vào cuối mùa mưa lũ, phục vụ đủ yêu cầu cấp nước vào mùa khô tiếp theo...



5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí dự kiến đắp đập hồ Tà Mai, gần với khu dân cư ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh và 01 vị trí dự kiến đắp đập hồ thị trấn Lộc Ninh, gần với khu dân cư Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh.

- *Thông số giám sát:* TSP, CO, SO₂, NO₂, Pb.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh.

5.1.2. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt:

- *Thông số giám sát:* pH, DO, TSS, COD, BOD₅, amoni, NO₂⁻, NO₃⁻, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Hg, tổng dầu mỡ và coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại suối (vị trí dự kiến thượng lưu đập chính hồ Tà Mai, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh) và 01 điểm tại suối (vị trí dự kiến thượng lưu đập chính hồ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh).

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B1, QCVN 08-MT: 2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

5.1.3. Giám sát chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt:

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng nước thải, nhiệt độ, pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại suối nhỏ tại hồ Tà Mai và 01 điểm tại suối nhỏ tại hồ thị trấn Lộc Ninh.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1,2).

5.1.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát nước mặt:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm nước mặt hồ Tà Mai, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh và 01 điểm nước mặt hồ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh.
- *Thông số giám sát:* pH, DO, TSS, COD, BOD₅, amoni, NO₂⁻, NO₃⁻, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Hg, tổng dầu mỡ và Coliform.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 08:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2.2. Giám sát chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt:

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng nước thải, nhiệt độ, pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại suối nhỏ tại hồ Tà Mai và 01 điểm tại suối nhỏ tại hồ thị trấn Lộc Ninh.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1,2).

5.2.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:



6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,2) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

6.3. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.4. Trong quá trình triển khai nếu Dự án có những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương về việc ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án tại Công văn số 01/UBND-ĐC ngày 04/01/2022 của UBND thị trấn Lộc Ninh, Công văn số 02/UBND-ĐC ngày 05/01/2022 của UBND xã Lộc Khánh, Công văn số 01/UBND-ĐC ngày 05/01/2022 của UBND xã An Khương, Công văn số 19/UBMTTQ ngày 17/8/2022 của UB Mặt trận Tổ quốc thị trấn Lộc Ninh, Công văn số 01/UBMTTQ ngày 10/8/2022 của UB Mặt trận Tổ quốc xã Lộc Khánh, Công văn số 15/CV-MTTQ ngày 15/8/2022 của UB Mặt trận Tổ quốc xã An Khương và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 04/01/2022 tại UBND thị trấn Lộc Ninh, Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 05/01/2022 tại ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 05/01/2022 tại UBND xã An Khương. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phòng, chống và khắc phục các sự cố do sụt lún, sạt lở, vỡ đập, xả lũ bào mùa mưa, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

6.7. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.